

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 257/2024/DS-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều Phương.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 304/7 Ấp C, xã A, huyện CT, tỉnh Long An;

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp K1, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

(Chị T và anh P có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/5/2024 nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Do quen biết bạn bè từ trước nên ngày 07/09/2023 đương lịch chị có cho anh Nguyễn Thanh P mượn số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để

làm vốn mua bán thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi. Khi mượn tiền thì anh P và chị có lập Hợp đồng vay tiền và có công chứng, thời hạn vay là 07 tháng sẽ trả, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng cam kết ngày 31 dương lịch hàng tháng sẽ trả lãi đầy đủ. Đến hạn trả tiền anh P không trả vốn và lãi cho chị mà cứ hẹn lần hẹn lượt. Chị đã nhiều lần yêu cầu anh P trả tiền mà anh P lẩn tránh không trả.

Nay chị khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ trả cho chị số tiền còn nợ tôi là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), yêu cầu trả lãi với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 07/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết, chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện: Chị T yêu cầu anh P trả 100.000.000 đồng và trả lãi với lãi suất 0.833%/tháng tính từ ngày 07/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh P tại văn bản tường trình ngày 04/7/2024 và đơn xin vắng mặt ngày 25/7/2024 trình bày:

Do làm ăn thua lỗ anh có liên hệ chị T (là người thu tiền cho người cậu của Thanh, anh gọi là anh Năm) vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Sau đó chị T yêu cầu công chứng làm hợp đồng. Do hiện anh không còn tài sản và vay quá nhiều đối tượng xã hội đen nên anh phải lánh xa địa phương và đang điều trị bệnh.

* Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại tòa nguyên đơn chị T và bị đơn anh P có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh P.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền nợ vay và bị đơn đang cư trú tại xã B, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 280, Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Chị T có cho anh P vay số tiền 100.000.000 đồng thời hạn 07 tháng, nhưng hết hạn anh P không trả vốn và lãi nên chị T yêu cầu anh P trả 100.000.000 đồng và tiền lãi.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Về số tiền nợ: Phía nguyên đơn cung cấp hợp đồng vay tiền có công chứng ngày 07/9/2023 thể hiện anh P có vay chị T 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 7 tháng kể từ ngày công chứng hợp đồng. Anh P thừa nhận có vay số tiền này và có ký hợp đồng vay tiền. Anh P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc trả số tiền nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về tiền lãi:

- Phía nguyên đơn cho rằng trong hợp đồng không có ghi mức lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng 5%/tháng và trả lãi vào ngày 31 dương lịch mỗi tháng. Anh P cũng thừa nhận có lãi nhưng thỏa thuận 10%/tháng. Lời trình bày của hai bên đều không có cơ sở vì không có chứng cứ chứng minh về mức lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong hợp đồng vay có ghi lãi suất do hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức quy định pháp luật và bên vay thanh toán tiền lãi mỗi tháng một lần vào ngày 31 dương lịch mỗi tháng. Do đó, đây là hợp đồng vay tiền có lãi. Hai bên tranh chấp về lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét cần buộc anh P trả lãi theo mức lãi suất Nhà nước quy định là 0,833%/tháng.

- Số tiền lãi cụ thể mà anh P phải trả như sau: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng (từ tháng 9/2023 đến tháng 7/2024)} = 8.330.000 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh P có nghĩa vụ trả cho chị T 100.000.000 đồng tiền vốn và 8.330.000 đồng tiền lãi.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 280, Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp-Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T.

- Buộc anh Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim T 108.330.000 đồng (Trong đó 100.000.000 đồng tiền vốn và 8.330.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Thanh P phải chịu 5.416.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại chị Nguyễn Thị Kim T 2.832.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007579 ngày 22/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị T và anh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tuyền